

**Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện
Gia Lai và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1950/GP ngày 18 tháng 7 năm 1997
1950/GPĐC1 ngày 19 tháng 4 năm 2005

Giấy phép Đầu tư và giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 1950/GPĐC2/39/1 ngày 19 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 9 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000148 ngày 2 tháng 8 năm 2007
5900421955 ngày 21 tháng 7 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 16 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Ông Cáp Thành Dũng	Phó Chủ tịch (từ ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (từ ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên (từ ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Thành viên (từ ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Tân Xuân Hiến	Thành viên (đến ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Đinh Văn Hiệp	Thành viên (đến ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Cáp Thành Dũng	Thành viên (đến ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên (đến ngày 9 tháng 5 năm 2014)

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngữ Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Hồ Đắc Dũng Ông Nguyễn Hùng Việt Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc (từ ngày 9 tháng 5 năm 2014) Tổng Giám đốc (đến ngày 9 tháng 5 năm 2014) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 25 tháng 3 năm 2014 đến ngày 9 tháng 5 năm 2014)
Ban Kiểm soát	Ông Bùi Tấn Khải Ông Phạm Cao Sơn Ông Lê Trọng Nam Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 16 tháng 5 năm 2014) Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 16 tháng 5 năm 2014) Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	561 Trần Hưng Đạo Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 27 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-324

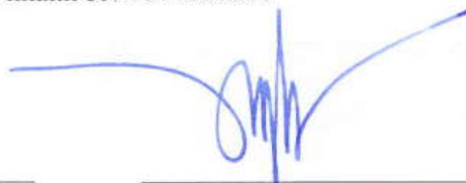



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		612.387.054.540	425.817.934.459
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	157.057.791.041	128.050.349.133
Tiền	111		7.057.791.041	23.612.631.250
Các khoản tương đương tiền	112		150.000.000.000	104.437.717.883
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	-	62.000.000.000
Các khoản phải thu	130	6	277.280.246.534	164.351.789.574
Phải thu khách hàng	131		103.125.209.418	62.923.890.459
Trả trước cho người bán	132		173.021.317.008	96.684.366.898
Các khoản phải thu khác	135		1.414.751.548	5.024.563.657
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(281.031.440)	(281.031.440)
Hàng tồn kho	140	7	169.925.679.886	58.533.048.853
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.123.337.079	12.882.746.899
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.685.361.263	11.656.203.980
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.198.806.733	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.239.169.083	1.226.542.919
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		408.337.138.490	407.350.252.813
Tài sản cố định	220		368.920.651.963	374.473.276.111
Tài sản cố định hữu hình	221	8	336.393.509.149	327.393.343.785
<i>Nguyên giá</i>	222		593.812.756.797	564.353.433.401
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(257.419.247.648)	(236.960.089.616)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		589.186.516	589.186.516
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(589.186.516)	(589.186.516)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	32.527.142.814	47.079.932.326
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	21.522.026.165	21.931.489.836
Đầu tư dài hạn khác	258		21.522.026.165	21.931.489.836
Tài sản dài hạn khác	260		17.894.460.362	10.945.486.866
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	17.885.460.362	10.936.486.866
Tài sản dài hạn khác	268		9.000.000	9.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.020.724.193.030	833.168.187.272

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		541.691.654.997	487.480.145.751
Nợ ngắn hạn	310		365.787.447.522	320.031.472.936
Vay ngắn hạn	311	13	319.900.124.998	231.155.029.320
Phải trả người bán	312	14	17.206.299.736	28.213.133.115
Người mua trả tiền trước	313		69.020.441	48.337.838.820
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	11.732.651.144	4.934.028.963
Phải trả người lao động	315		4.828.682.480	186.527.994
Chi phí phải trả	316	16	7.593.410.671	2.068.844.576
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	2.609.160.022	4.020.205.547
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	1.848.098.030	1.115.864.601
Nợ dài hạn	330		175.904.207.475	167.448.672.815
Nợ dài hạn khác	333		185.500.000	185.500.000
Vay và nợ dài hạn	334	19	175.718.707.475	167.263.172.815
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		479.032.538.033	345.688.041.521
Vốn chủ sở hữu	410	20	479.032.538.033	345.688.041.521
Vốn cổ phần	411	21	389.998.760.000	278.504.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(255.500.000)	(211.250.000)
Cổ phiếu quỹ	414	21	(1.044.000)	(1.044.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		35.243.029.693	32.620.884.458
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.960.455.548	13.649.382.930
Lợi nhuận chưa phân phối	420		39.086.836.792	21.125.408.133
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.020.724.193.030	833.168.187.272

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ khách hàng	59.390.234.315	29.375.956.199

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thanh Ngũ

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02 - HN/DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu	01	22	459.959.438.504	734.430.834.603
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		677.143	644.571.429
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		459.958.761.361	733.786.263.174
Giá vốn hàng bán	11	23	384.310.384.080	619.797.947.171
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		75.648.377.281	113.988.316.003
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.426.525.201	15.601.974.254
Chi phí tài chính	22	25	16.508.574.475	29.433.091.804
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.508.574.475</i>	<i>29.433.091.804</i>
Chi phí bán hàng	24		19.206.694.272	22.091.253.058
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.052.029.089	23.628.414.760
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		33.307.604.646	54.437.530.635
Thu nhập khác	31	26	491.307.473	5.296.093.385
Chi phí khác	32		-	456.584.165
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		491.307.473	4.839.509.220
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		33.798.912.119	59.277.039.855
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	7.580.758.360	13.514.530.287
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		26.218.153.759	45.762.509.568
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	872	2.344

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thanh Ngừ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		326.112.697.171	701.658.840.274
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(472.009.867.246)	(453.106.985.317)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.601.937.195)	(34.070.685.857)
Tiền lãi vay đã trả	04		(16.751.174.541)	(27.917.985.391)
Thuế thu nhập đã nộp	05		(3.935.405.299)	(11.640.528.591)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.844.070.235	32.077.703.388
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.018.023.224)	(77.599.704.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(217.359.640.099)	129.400.653.642
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(28.981.820.492)	(98.985.730.313)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	3.064.090.909
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(74.000.000.000)	(157.000.000.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho các đơn vị khác vay	24		136.000.000.000	70.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(4.200.000.000)
Tiền chi cho nông dân trồng mía vay	25		(1.571.751.000)	(732.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho nông dân trồng mía vay	26		1.981.214.671	2.807.198.613
Tiền thu lãi và cổ tức	27		4.306.956.890	6.672.627.781
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		37.734.600.069	(178.373.813.010)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2014 (Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		111.449.850.000	104.227.610.000
Tiền vay và nợ ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		608.385.659.658	846.395.915.559
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(511.185.029.320)	(802.050.222.898)
Tiền chi trả cổ tức	36		(17.998.400)	(22.665.881.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		208.632.481.938	125.907.420.861
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		29.007.441.908	76.934.261.493
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		128.050.349.133	51.116.087.640
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	157.057.791.041	128.050.349.133

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thanh Ngữ

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 172/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm báo cáo của Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2014	31/12/2013
<i>Công ty con của Công ty</i>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; lắp đặt hệ thống điện; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng và xây dựng công trình dân dụng.	Giấy phép Kinh doanh số 5900974477 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 9 tháng 12 năm 2013.	100%	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có 368 nhân viên (31/12/2013: 482 nhân viên).

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty đã thành lập một công ty con là Công ty TNHH Một Thành Viên Nhiệt điện Gia Lai từ ngày 9 tháng 12 năm 2013, tuy nhiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty vẫn chưa góp vốn vào công ty này. Ngoài ra, Công ty cũng không có bất kỳ công ty con hay công ty liên kết nào khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và những năm trước. Do đó, Công ty đã không lập báo cáo hợp nhất cho năm kết thúc này 31 tháng 12 năm 2013 và những năm trước. Số liệu so sánh của báo cáo hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc này 30 tháng 6 năm 2014 là báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc này 31 tháng 12 năm 2013, do đó, số liệu so sánh của Công ty là không thể so sánh được với kỳ báo cáo hiện tại.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Tập đoàn đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau ngày thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Do đó, số liệu so sánh trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất mà phản ánh kết quả hoạt động và dòng tiền từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (kỳ 12 tháng) là không thể so sánh được với những số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh sau ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được ghi nhận là thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các nguồn khác ngoài kết quả hoạt động kinh doanh được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(r) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(s) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản đủ điều kiện này.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.406.918	11.262.283
Tiền gửi ngân hàng	7.056.384.123	23.601.368.967
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	104.437.717.883
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	157.057.791.041	128.050.349.133

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 40.000 triệu VND (31/12/2013: không), được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn, và bị hạn chế sử dụng theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ngày 27 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	33.375.000.000	-
Phi thương mại	-	168.000.000
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	100.000.000	-

Các khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và có thể thu được trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đối với các khoản phải thu thương mại và có thể thu được theo yêu cầu đối với các khoản phải thu khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 132.000 triệu VND (31/12/2013: 140.721 triệu VND) đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ là 102.064 triệu VND (31/12/2013: 60.892 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 11,5% trong kỳ (2013: 11,0% đến 14,0%).

Trong kỳ, Tập đoàn đã ghi nhận các khoản chi phí trả trước cho nông dân trồng mía là 65.624 triệu VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (2013: 61.589 triệu VND) và cần trừ khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân với giá trị là 53.771 triệu VND (2013: 92.721 triệu).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi phải thu từ khoản cho nông dân trồng mía vay	1.212.645.055	4.242.038.519
Lãi phải thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay	175.000.000	755.418.645
Phải thu khác	27.106.493	27.106.493
	1.414.751.548	5.024.563.657

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

7. Hàng tồn kho

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	11.964.400.338	12.669.808.934
Công cụ và dụng cụ	1.030.756.882	2.503.327.247
Sản xuất kinh doanh dở dang	2.869.751.637	6.224.369.549
Thành phẩm	154.017.854.987	36.921.579.939
Hàng hóa	42.916.042	213.963.184
	<hr/>	<hr/>
	169.925.679.886	58.533.048.853
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 169.926 triệu VND (31/12/2013: 58.533 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn. Do tổng giá trị hàng tồn kho yêu cầu thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lớn hơn số dư hàng tồn kho, sau khi kết thúc kỳ kế toán, trong tháng 7 năm 2014, Tập đoàn đã thanh toán các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng TMCP Đại Dương để giảm giá trị hàng tồn kho yêu cầu thế chấp xuống 137.685 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	95.310.660.574	457.306.348.699	9.981.523.337	1.754.900.791	564.353.433.401
Tăng trong kỳ	-	-	1.021.880.000	-	1.021.880.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	27.996.438.396	441.005.000	-	-	28.437.443.396
Số dư cuối kỳ	123.307.098.970	457.747.353.699	11.003.403.337	1.754.900.791	593.812.756.797
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	39.446.498.844	193.364.981.616	3.101.041.770	1.047.567.386	236.960.089.616
Khấu hao trong kỳ	3.165.252.964	16.534.241.051	614.093.389	145.570.628	20.459.158.032
Số dư cuối kỳ	42.611.751.808	209.899.222.667	3.715.135.159	1.193.138.014	257.419.247.648
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	55.864.161.730	263.941.367.083	6.880.481.567	707.333.405	327.393.343.785
Số dư cuối kỳ	80.695.347.162	247.848.131.032	7.288.268.178	561.762.777	336.393.509.149

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 19 tháng 10 năm 2007 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia và được phê duyệt bởi các cổ đông.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 107.828 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 105.879 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 179.736 triệu VND (31/12/2013: 161.413 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	-

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 589 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 589 triệu VND).

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ	47.079.932.326	17.652.544.853
Tăng trong kỳ	17.635.093.884	60.134.181.896
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.437.443.396)	(30.706.794.423)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.750.440.000)	-
Số dư cuối kỳ	32.527.142.814	47.079.932.326

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 4.427 triệu VND (31/12/2013: không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 2.879 triệu VND (2013: 323 triệu VND).

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2014			VND	31/12/2013			VND
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết		Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho:								
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai				-				42.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công				-				20.000.000.000
				-				62.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác vào:								
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (a)	420.000	14%	14%	4.200.000.000	420.000	14%	14%	4.200.000.000
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (b)	1.099.520	1,8%	1,8%	14.341.575.000	956.105	1,8%	1,8%	14.341.575.000
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (c)				2.980.451.165				3.389.914.836
				21.522.026.165				21.931.489.836

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND (31/12/2013: 14.342 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

- (a) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (b) Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty được nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với số lượng là 143.415 cổ phiếu.
- (c) Các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 14,5% trong kỳ (2013: 11,5% đến 14,5%). Các khoản vay được thu hồi trong vòng từ 3 đến 5 năm kể từ ngày cấp.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	5.886.532.321	5.049.954.545	10.936.486.866
Tăng trong kỳ	3.420.500.000	2.900.451.893	6.320.951.893
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.750.440.000	-	3.750.440.000
Phân bổ trong kỳ	(51.696.185)	(3.070.722.212)	(3.122.418.397)
Số dư cuối kỳ	13.005.776.136	4.879.684.226	17.885.460.362

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.415 triệu VND (31/12/2013: 1.249 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Vay ngắn hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	303.180.124.998	215.255.029.320
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	16.720.000.000	15.900.000.000
	319.900.124.998	231.155.029.320

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (a)	VND	6,0% - 7,5%	30.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam (b)	VND	6,3% - 7,0%	30.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	6,7% - 8,0%	38.180.124.998	30.255.029.320
Ngân hàng TMCP Phương Đông (d)	VND	7,5% - 8,5%	50.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương (e)	VND	7,0%	35.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (f)	VND	6,6%	80.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (g)	VND	3,9%	40.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	7,0% - 9,0%	-	20.000.000.000
			303.180.124.998	215.255.029.320

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.000.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn tương đương 60 tỷ VND (31/12/2013: 40 tỷ VND) và các khoản phải thu với giá trị tối thiểu là 60 tỷ VND (31/12/2013: 60 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ (từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm) hoặc 2.500.000 Đô la Mỹ (từ tháng 11 năm 5 hàng năm) và được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị tối thiểu là 1.500.000 Đô la Mỹ và máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 7.900 triệu VND (31/12/2013: các khoản phải thu và hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị tối thiểu là 750.000 USD cho mỗi khoản và hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 750.000 USD).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho được tài trợ từ khoản vay này với giá trị tối thiểu là 46 tỷ VND (31/12/2013: 30 tỷ VND) và thu nhập từ việc bán các tài sản này.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND và được đảm bảo bằng khoản trả trước cho nông dân trồng mía và hàng tồn kho với giá trị mỗi khoản tối thiểu là 72 tỷ VND (31/12/2013: lần lượt là 60.611 triệu VND và 58.533 triệu VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 35 tỷ VND và được đảm bảo bằng thành phẩm với giá trị ghi sổ là 153.838 triệu VND (31/12/2013: 35.725 triệu VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND và được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền với giá trị ghi sổ là 40.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

14. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các bên liên quan	103.950.000	491.540.426

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.211.759.404	2.841.869.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.397.988.899	1.752.635.838
Thuế thu nhập cá nhân	122.902.841	338.985.423
Các loại thuế khác	-	538.200
	11.732.651.144	4.934.028.963

16. Chi phí phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí vận chuyển	6.042.783.122	-
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	1.170.424.879	1.702.202.909
Chi phí lãi vay phải trả các công ty khác	-	158.666.667
Chi phí khác	380.202.670	207.975.000
	7.593.410.671	2.068.844.576

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.810.206	97.022.774
Bảo hiểm xã hội và y tế	507.833.205	72.268.312
Cổ tức phải trả	11.924.200	29.922.600
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị	83.465.875	164.506.030
Phải trả khác	1.851.126.536	3.656.485.831
	<hr/>	<hr/>
	2.609.160.022	4.020.205.547
	<hr/>	<hr/>

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Từ 1/1/2014	Từ 1/1/2013
	đến 30/6/2014	đến 31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.115.864.601	2.402.430.042
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	4.323.507.247	8.571.063.094
Sử dụng	(3.591.273.818)	(9.857.628.535)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.848.098.030	1.115.864.601
	<hr/>	<hr/>

19. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn (a)	185.745.550.717	183.163.172.815
Nợ thuê tài chính (b)	6.693.156.758	-
	<hr/>	<hr/>
	192.438.707.475	183.163.172.815
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 13)	(16.720.000.000)	(15.900.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	175.718.707.475	167.263.172.815
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(a) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu					
▪ Khoản vay 1 (i)	VND	11,0% - 11,5%	2023	135.000.000.000	142.500.000.000
▪ Khoản vay 2 (ii)	VND	11,0% - 11,5%	2021	7.512.377.902	33.663.172.815
▪ Khoản vay 3 (iii)	VND	11,0% - 11,5%	2021	33.663.172.815	-
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (iv)					
	VND	5,4%	2019	9.570.000.000	7.000.000.000
				185.745.550.717	183.163.172.815

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 135 tỷ VND (31/12/2013: 150 tỷ VND) được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 1.415 triệu VND; máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 152.886 triệu VND (31/12/2013: lần lượt là 1.249 triệu VND, 141.095 triệu VND); tài sản cố định trong các dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 TMN lên 6.000 TMN với giá trị còn lại là 18.949 triệu VND; các khoản đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND và quyền bán điện trong hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (31/12/2013: lần lượt là 14.342 triệu VND và các khoản phải thu từ việc bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung với giá trị ghi sổ là 4.300 triệu VND) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 4.427 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 36 quý bằng nhau, mỗi quý trả 3.750 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 12 tháng 4 năm 2023.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (31/12/2013: 290 tỷ VND) cũng được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn khác từ ngân hàng này (Thuyết minh 19 – i). Khoản vay này được hoàn trả trong 26 quý bằng nhau bắt đầu từ ngày 24 tháng 10 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 18 tháng 12 năm 2021.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 190 tỷ VND được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 4.427 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả trong 26 quý bằng nhau bắt đầu từ ngày 24 tháng 10 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 18 tháng 12 năm 2021.
- (iv) Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam với hạn mức tối đa 10 tỷ VND được đảm bảo bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Số dư gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được hoàn trả trong 22 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2014. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

- (b) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	30/6/2014 VND	
		Tiền lãi	Nợ gốc
Trong vòng 1 năm	769.713.027	769.713.027	-
Trong vòng 2 đến 5 năm	7.176.906.742	483.749.984	6.693.156.758
	<u>7.946.619.769</u>	<u>1.253.463.011</u>	<u>6.693.156.758</u>

Tại ngày báo cáo, Công ty vẫn chưa nhận được tài sản thuê tài chính và khoản thanh toán cho người bán được ghi nhận là trả trước cho người bán.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	174.065.800.000	-	(1.044.000)	28.044.633.501	11.361.257.452	13.426.756.894	226.897.403.847
Phát hành cổ phiếu	104.438.860.000	(211.250.000)	-	-	-	-	104.227.610.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	45.762.509.568	45.762.509.568
Cổ tức	-	-	-	-	-	(22.628.418.800)	(22.628.418.800)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.576.250.957	2.288.125.478	(6.864.376.435)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.571.063.094)	(8.571.063.094)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	278.504.660.000	(211.250.000)	(1.044.000)	32.620.884.458	13.649.382.930	21.125.408.133	345.688.041.521
Phát hành cổ phiếu	111.494.100.000	(44.250.000)	-	-	-	-	111.449.850.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	26.218.153.759	26.218.153.759
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	2.622.145.235	1.311.072.618	(3.933.217.853)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	-	(4.323.507.247)	(4.323.507.247)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	389.998.760.000	(255.500.000)	(1.044.000)	35.243.029.693	14.960.455.548	39.086.836.792	479.032.538.033

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	38.999.876	389.998.760.000	27.850.466	278.504.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	38.999.876	389.998.760.000	27.850.466	278.504.660.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	104	1.040.000	104	1.040.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	38.999.772	389.997.720.000	27.850.362	278.503.620.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014		Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	27.850.362	278.503.620.000	17.406.476	174.064.760.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	11.149.410	111.494.100.000	10.443.886	104.438.860.000
Số dư cuối kỳ	38.999.772	389.997.720.000	27.850.362	278.503.620.000

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	345.440.508.960	615.649.088.677
▪ Mật rỉ	26.608.722.856	30.527.495.712
▪ Bùn, tro, bã	413.425.951	531.605.236
▪ Mía giống	151.561.767	651.355.630
▪ Phân bón	66.076.489.757	63.408.695.016
▪ Điện	19.119.534.290	21.583.035.472
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	2.149.194.923	2.079.558.860
	459.959.438.504	734.430.834.603
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(677.143)	(644.571.429)
	459.958.761.361	733.786.263.174

23. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tổng giá vốn bán hàng		
▪ Đường	269.917.253.580	502.607.618.529
▪ Mật rỉ	26.722.709.818	30.164.920.843
▪ Bùn, tro, bã	413.340.057	530.523.549
▪ Mía giống	153.702.660	651.879.907
▪ Phân bón	65.640.002.859	63.512.651.435
▪ Điện	19.119.534.290	20.126.844.848
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	2.343.840.816	2.203.508.060
	384.310.384.080	619.797.947.171

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.066.673.952	1.113.808.612
Lãi từ các khoản trả trước và khoản vay cho nông dân trồng mía	2.137.098.471	10.720.003.032
Lãi từ các khoản cho đơn vị khác vay	1.222.752.778	2.047.173.610
Thu nhập cổ tức	-	1.720.989.000
	5.426.525.201	15.601.974.254

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	16.508.574.475	29.433.091.804

26. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	3.064.090.909
Tiền thu từ thanh lý phế liệu	37.410.917	1.773.845.145
Thu nhập khác	453.896.556	458.157.331
	491.307.473	5.296.093.385

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	7.580.758.360	12.573.801.258
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	940.729.029
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.580.758.360	13.514.530.287

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	33.798.912.119	59.277.039.855
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.435.760.666	14.819.259.964
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	395.831	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	144.272.003	598.191.400
Ưu đãi thuế	-	(2.413.402.856)
Thu nhập không chịu thuế	-	(430.247.250)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	329.860	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	940.729.029
	7.580.758.360	13.514.530.287

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Đối với lợi nhuận tính thuế từ dự án nâng cấp công suất nhà máy đường từ 1.500 TMN lên 1.800 TMN: 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2005 đến năm 2011 và 22% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2005 đến năm 2013.
- Đối với lợi nhuận tính thuế từ dự án nâng cấp công suất nhà máy đường từ 3.200 TMN lên 6.000 TMN: Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận tính thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.
- 22% lợi nhuận tính thuế từ thu nhập khác và từ dự án nhà máy đường ngoại trừ những khoản ưu đãi thuế trên.

Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm đi vào hoạt động và có doanh thu và 22% trong những năm tiếp theo. Công ty con cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên công ty phát sinh lợi nhuận tính thuế và được giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 26.218.153.759 VND (2013: 45.762.509.568 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.067.924 (2013: 19.523.867), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	26.218.153.759	45.762.509.568
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	26.218.153.759	45.762.509.568

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	27.850.362	17.406.476
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	2.217.562	2.117.391
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	30.067.924	19.523.867

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách và khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban Kiểm soát của Tập đoàn được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và các phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khác hàng và đầu tư vào chứng khoán nợ của Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (ii)	157.056.384.123	128.039.086.850
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	104.539.960.966	67.948.454.116
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các bên liên quan (iv)	-	62.000.000.000
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía (v)	101.783.532.930	60.611.246.295
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (v)	2.980.451.165	3.389.914.836
	366.360.329.184	321.988.702.097

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 5 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	104.539.960.966	67.250.690.345
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	697.763.771
	<hr/>	<hr/>
	104.539.960.966	67.948.454.116

(iv) Các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách đầu tư mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Các khoản vay được thu hồi theo lịch trình thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước và đầu tư dài hạn tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	104.409.972.734	62.975.955.556
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	134.416.289	799.065.901
Quá hạn trên 180 ngày	500.626.512	507.171.114
	<hr/>	<hr/>
	105.045.015.535	64.282.192.571

Không có biến động trong dự phòng giảm giá các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	303.180.124.998	309.048.808.769	309.048.808.769	-	-	-
Phải trả người bán	17.206.299.736	17.206.299.736	17.206.299.736	-	-	-
Phải trả người lao động	4.828.682.480	4.828.682.480	4.828.682.480	-	-	-
Chi phí phải trả	7.593.410.671	7.593.410.671	7.593.410.671	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.609.160.022	2.609.160.022	2.609.160.022	-	-	-
Vay và nợ dài hạn						
Vay dài hạn	185.745.550.717	264.874.086.657	35.354.333.277	77.019.073.547	77.805.617.000	74.695.062.833
Nợ thuê tài chính phải trả	6.693.156.758	7.946.619.769	769.713.027	7.176.906.742	-	-
	527.856.385.382	614.107.068.104	377.410.407.982	84.195.980.289	77.805.617.000	74.695.062.833

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	215.255.029.320	220.323.955.894	220.323.955.894	-	-	-
Phải trả người bán	28.213.133.115	28.213.133.115	28.213.133.115	-	-	-
Phải trả người lao động	186.527.994	186.527.994	186.527.994	-	-	-
Chi phí phải trả	2.068.844.576	2.068.844.576	2.068.844.576	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.020.205.547	4.020.205.547	4.020.205.547	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	183.163.172.815	280.543.586.771	35.508.466.540	36.274.560.204	103.651.060.044	105.109.499.983
	432.906.913.367	535.356.253.897	290.321.133.666	36.274.560.204	103.651.060.044	105.109.499.983

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do các giao dịch của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	150.000.000.000	104.437.717.883
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác	-	62.000.000.000
Vay dài hạn	(9.570.000.000)	(7.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	140.430.000.000	159.437.717.883
	<hr/>	<hr/>
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	7.056.384.123	23.601.368.967
Trả trước cho nông dân trồng mía	101.783.532.930	60.611.246.295
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	2.980.451.165	3.389.914.836
Vay ngắn hạn	(303.180.124.998)	(215.255.029.320)
Vay dài hạn	(176.175.550.717)	(176.163.172.815)
Nợ thuê tài chính	(6.693.156.758)	-
	<hr/>	<hr/>
	(374.228.464.255)	(303.815.672.037)
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm 2,9 tỷ VND (31/12/2013: 2,3 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được thể hiện trong bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	157.057.791.041	128.050.349.133
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.539.960.966	67.948.454.116
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	62.000.000.000
- Trả trước cho người bán	101.783.532.930	60.611.246.295
- Đầu tư dài hạn khác	2.980.451.165	3.389.914.836
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18.541.575.000	18.541.575.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	19.815.459.758	32.233.338.662
- Nợ ngắn hạn khác	12.422.093.151	2.255.372.570
- Vay	488.925.675.715	398.418.202.135
- Nợ thuê tài chính	6.693.156.758	-

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư dài hạn khác vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ thuê tài chính

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán thành phẩm	63.571.428.571	-
Tạm ứng để mua tài sản cố định	100.000.000	-
Phí tư vấn	92.934.551	-
Mua hom giống	15.032.000	-
Nhận góp vốn cổ phần	25.200.000.000	25.200.000.000
Chi trả cổ tức	-	5.460.000.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Mua tài sản cố định	600.000.000	-
Mua công cụ và thiết bị	-	600.000.000
Nhận góp vốn cổ phần	24.000.000.000	24.000.000.000
Chi trả cổ tức	-	5.200.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương, trợ cấp công tác và thù lao	1.621.756.289	3.879.929.531

31. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	282.992.156.340	522.060.933.987
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	248.606.532.363	2.174.266.158
	<u>531.598.688.703</u>	<u>524.235.200.145</u>

Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	323.520.294.010	538.911.944.261
Chi phí nhân công	31.031.380.378	39.578.232.354
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.459.158.032	38.405.002.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.542.398.172	41.692.836.074
Chi phí khác	8.015.876.850	6.929.599.384

Ngày 27 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh



Tổng Giám đốc:

Nguyễn Thanh Ngữ



Số: 93 /2014/CBTT- SEC

(V/v : Giải trình chênh lệch lợi nhuận)

Gia Lai, ngày 05 tháng 09 năm 2014.

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM

Căn cứ thông tư số: 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ BCTC hợp nhất năm TC chuyển đổi 2014 (bắt đầu từ 01/01/2014 - 30/06/2014), lợi nhuận sau thuế năm TC chuyển đổi 2014 giảm so với lợi nhuận sau thuế năm 2013 (bắt đầu từ 01/01/2013 - 31/12/2013) là 42,7% (19,5 tỷ đồng). Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai giải trình như sau :

ĐVT: VND

Kết quả kinh doanh	Năm TC chuyển đổi 2014 (Hợp nhất)*	Năm TC chuyển đổi 2014 (Công ty mẹ)	Năm 2013 (Công ty mẹ)	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(2)-(4)	(6)=(5)/(4)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.958.761.361	459.958.761.361	733.786.263.174	-273.827.501.813	-37,32%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.218.153.759	26.221.452.352	45.762.509.568	-19.544.355.809	-42,71%

(*: Bắt đầu năm Tài chính chuyển đổi 2014 mới phát sinh BCTC hợp nhất).

- Năm tài chính chuyển đổi 2014, Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai mới hoạt động 6 tháng nên Doanh thu thuần về bán hàng và Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với năm 2013 hoạt động 12 tháng.

- Sản lượng tiêu thụ năm TC chuyển đổi 2014 giảm 38,31% so với năm 2013 cộng với giá bán đường bình quân năm TC chuyển đổi 2014 giảm so với năm 2013 đã làm cho Doanh thu thuần giảm 37,32% tương ứng với 273,8 tỷ đồng.

Trên đây là nội dung giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế năm TC chuyển đổi 2014 thấp hơn năm 2013 của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Tp.HCM;
- Lưu

P. Tổng Giám đốc



Hồ Đức Dũng

